TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **395**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Luyện
2. Bà Lưu Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2026, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1985
Căn cước công dân số: 027185000882
HKTT: Thôn Thuận Quang, xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.
Nơi ở: Khu phố Giữa, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Huy C**, sinh năm 1985
Căn cước công dân số: 001085019935
HKTT và nơi ở: Thôn T, xã G, Thành phố Hà Nội.

(Bà K và ông C đều vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Huy C tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã G, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 11/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chúng tôi đã cố gắng tự hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi liên quan về tình

cảm, vợ chồng không còn liên hệ.

Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông C, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Huy C để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình.

- Về con chung: chúng tôi có hai con chung là Lê Anh M (sinh ngày 10/02/2011) và Lê Minh N (sinh ngày 22/10/2021). Trường hợp ly hôn, thì tôi đề nghị được nuôi cả hai con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Huy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không cung cấp lời khai, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K, cho bà K được ly hôn với ông Lê Huy C; giao hai cháu Lê Anh M và Lê Minh N cho bà Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tài sản chung không xem xét; bà K có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn xã G, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, đây là lần vắng mặt thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K và ông Lê Huy C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký

kết hôn số 104 ngày 21/12/2009 tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh, có đủ cơ sở xác định giữa ông Lê Huy C và bà Lê Thị K có nhiều mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông C là có thật và đã thật sự trầm trọng, nguyên đơn cương quyết xin ly hôn nên đã từ chối cơ hội hàn gắn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà K, cho bà K được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án thì ông Lê Huy C và bà Lê Thị K có hai con chung là Lê Anh M (sinh ngày 10/02/2011) và Lê Minh N (sinh ngày 22/10/2021).

Xét đề nghị của bà K việc mong muốn nuôi cả hai con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, bà K và ông C không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; bà K đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con sau ly hôn; ông C mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Mặt khác từ khi sống ly thân (khoảng 05 năm) đến nay thì cả hai con chung đều do bà K trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Tuy ông bà nội của các cháu rất yêu thương, thể hiện trách nhiệm và mong muốn được nuôi dưỡng cháu lớn (Lê Anh M) nhưng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 4 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quyền nuôi con ưu tiên thuộc về cha, mẹ; trường hợp cha, mẹ không đủ điều kiện nuôi con, từ bỏ quyền nuôi con… thì Tòa án giao con cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung sau khi ly hôn, Tòa án đã tiến hành tham khảo nguyện vọng, tại văn bản ý kiến của cháu Lê Anh M thể hiện cháu muốn ở với mẹ. Đối với cháu Lê Minh N đang là trẻ em dưới 7 tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của người mẹ, đặc biệt là về mặt tâm sinh lý và điều kiện sinh hoạt hàng ngày.

Vì vậy, việc giao cả hai con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi tốt nhất với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà K không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bà K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 227, 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Đ a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Bà Lê Thị K được ly hôn ông Lê Huy C.

2. Về con chung: Ông Lê Huy C và bà Lê Thị K có hai con chung là Lê Anh M (sinh ngày 10/02/2011) và Lê Minh N (sinh ngày 22/10/2021).

Giao cả hai con chung cho bà Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Lê Huy C cho tới khi bà K có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003496 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 5 - thành phố Hà Nội. Bà K đã nộp đủ án phí.

5. Bà Lê Thị K và ông Lê Huy C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

KVK

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc A